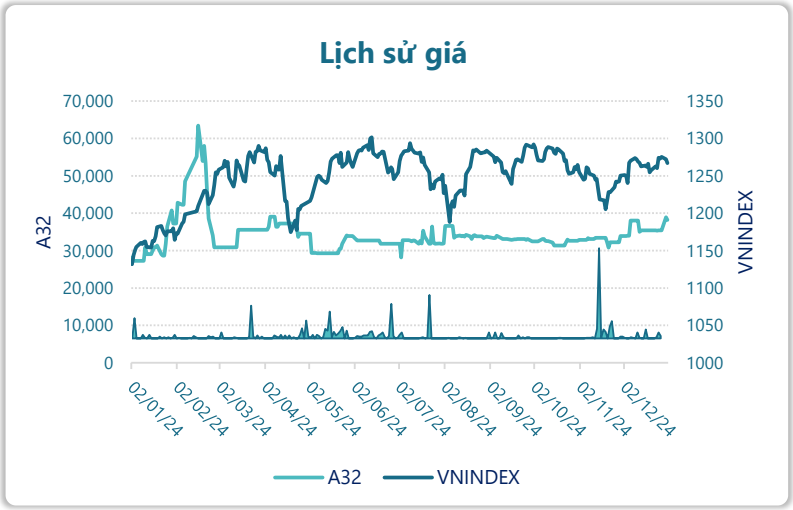
FireAnt

CTCP 32 (UPCOM: A32)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**38,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	63,427
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	27,261
SL cổ phiếu LH	6,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	280
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	260
P/E	
EPS	

DT thuần

Q4/24

tỷ VNĐ

LN sau thuế

Q4/24

tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT

2024

6.3%

+/- YoY: ▼ 0.2%

DT thuần

2024

727

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.00| 1.0%

LN sau thuế

2024

39.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.30| -0.9%

ROE

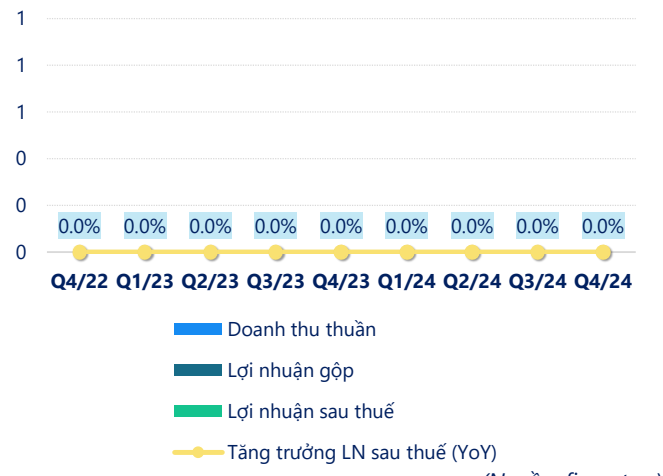
2024

17.7%

+/- YoY: ▼ 0.4%

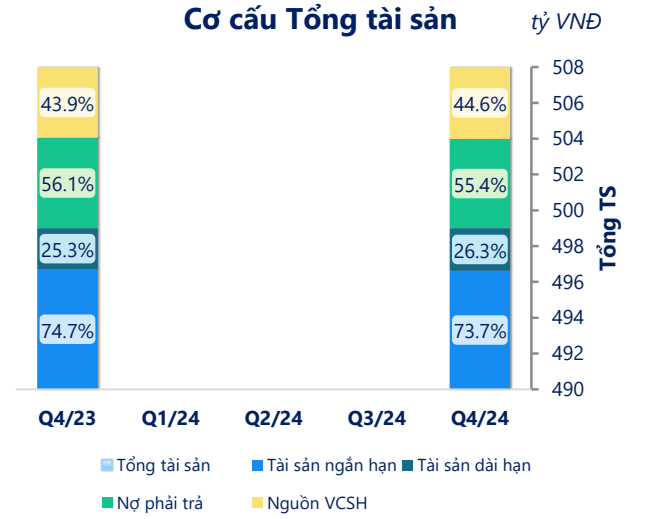
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



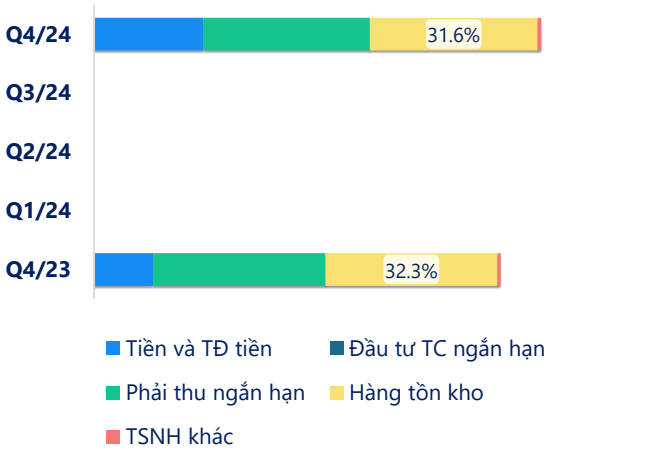
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



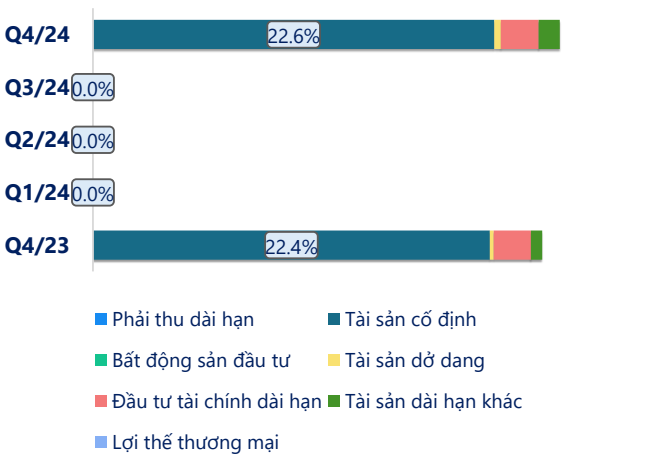
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



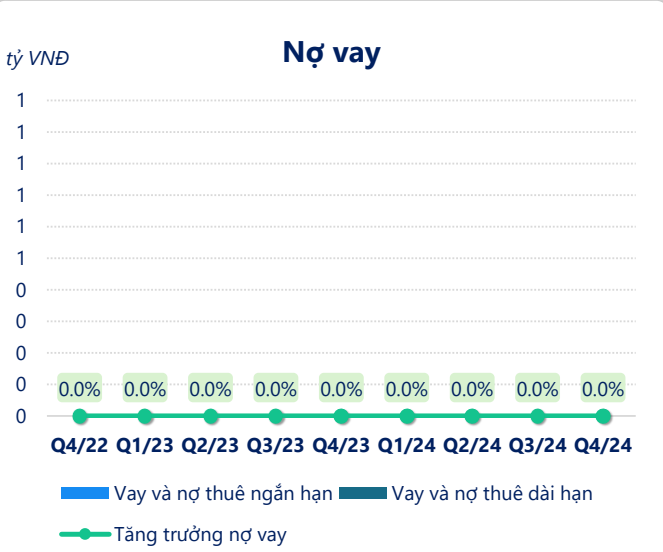
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



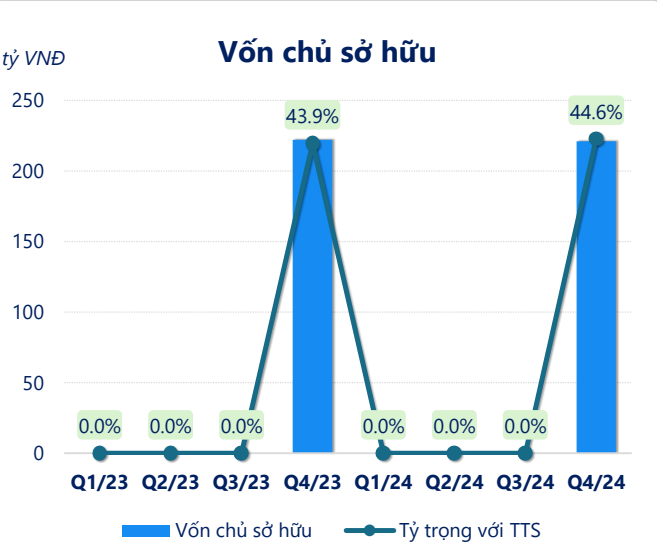
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



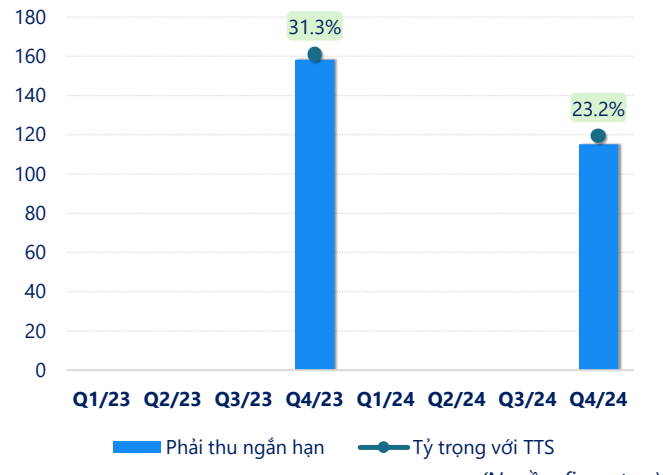
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



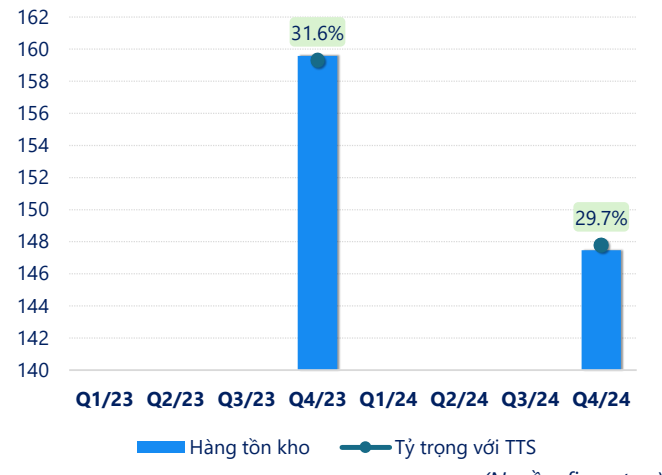
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



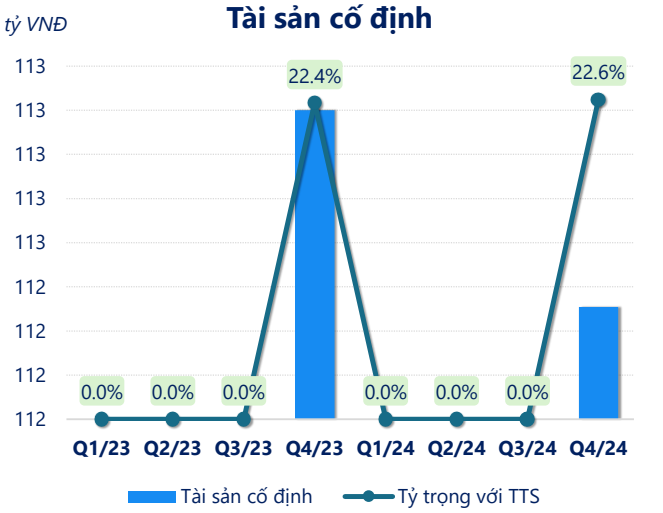
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



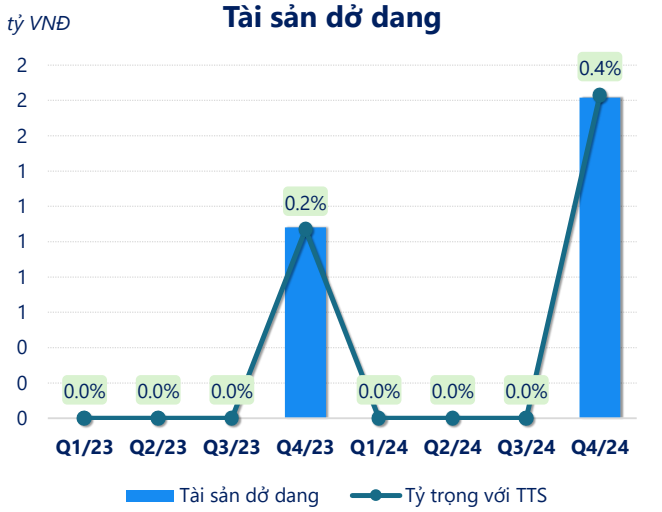
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



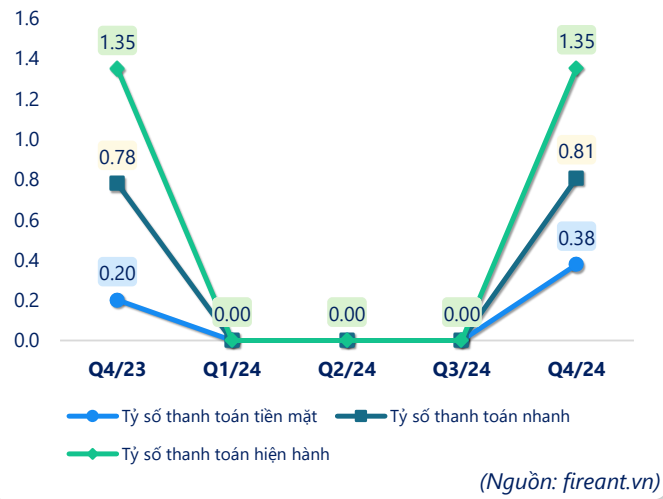
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



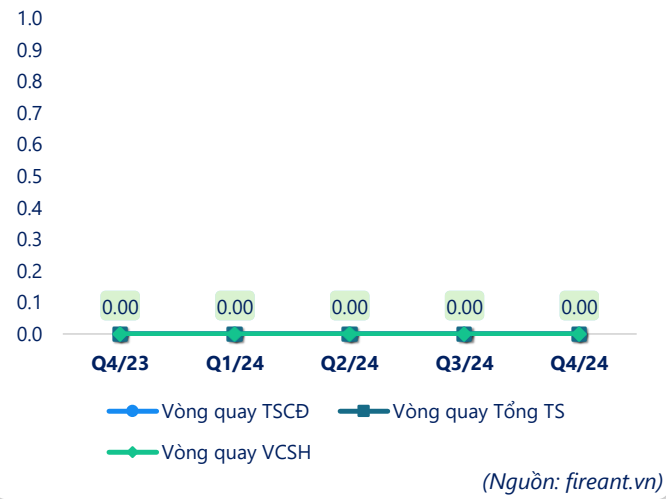
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**505**				**496**
Tài sản ngắn hạn	**377**				**365**
Tiền và tương đương tiền	56.2				102
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0				0
Phải thu ngắn hạn	158				115
Hàng tồn kho	160				147
Tài sản ngắn hạn khác	3.30				0.75
Tài sản dài hạn	**128**				**131**
Phải thu dài hạn	0				0
Tài sản cố định	113				112
Bất động sản đầu tư	0				0
Tài sản dở dang	1.08				1.82
Đầu tư tài chính dài hạn	10.6				10.6
Tài sản dài hạn khác	3.23				5.94
Lợi thế thương mại	0				0
Nợ phải trả	**283**				**275**
Nợ ngắn hạn	**280**				**270**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0				0
Phải trả người bán ngắn hạn	110				123
Nợ dài hạn	3.81				4.81
Vay và nợ thuê dài hạn	0				0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**222**				**221**
Vốn chủ sở hữu	**222**				**221**
Vốn điều lệ	68.0				68.0
Kinh phí và quỹ khác	0.00				-0.03

(Nguồn: fireant.vn)